

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **386** /2012/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày **07** tháng **11** năm **2012**

UBND. HUYỆN TÂN YÊN

ĐẾN Số: **3450**
Ngày: **8/11/2012**
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 375/TTr-TNMT ngày 15/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Bãi bỏ các Quyết định: số 40/2006/QĐ-UBND ngày 31/5/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; số 61/2010/QĐ-UBND ngày 09/6/2010 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 40/2006/QĐ-UBND ngày 31/5/2006.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *h*

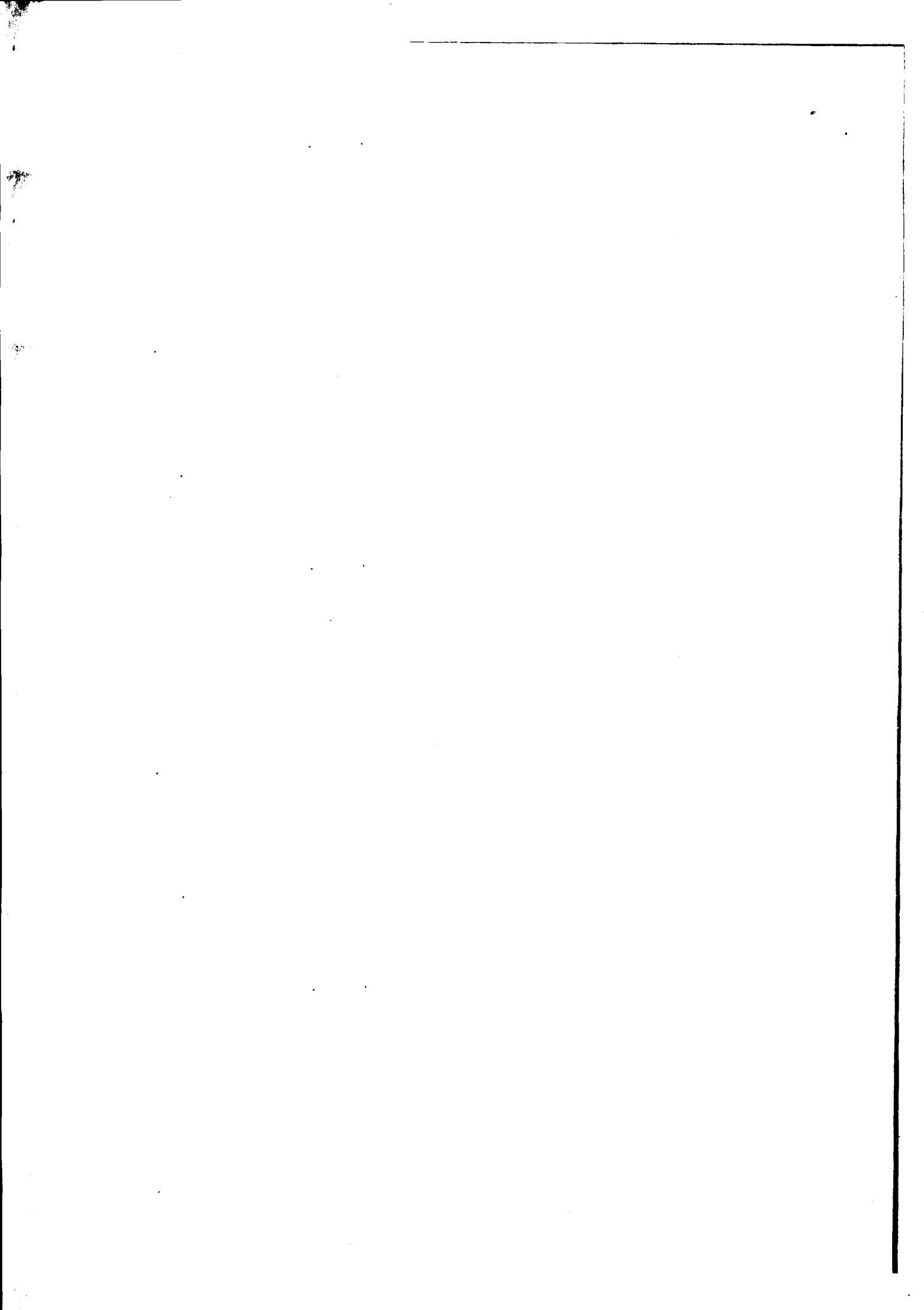
Nơi nhận: *N*

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: TN&MT, Tư pháp (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TTQ tỉnh, các đoàn thể nhân dân;
- Viện KSNĐ tỉnh, TAND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài TH tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP Tỉnh ủy;
- VP Đ ĐBQH và HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các chuyên viên, TT Tin học công báo;
 - + Lưu: VT, TN (5).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thanh Sơn
Lại Thanh Sơn



QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 386/2012/QĐ-UBND ngày 07/11/2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; thăm dò, khai thác khoáng sản; quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Những nội dung không nêu tại quy định này được thực hiện theo Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản; tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 82 Luật Khoáng sản, cụ thể như sau:

1. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

2. Thực hiện việc gia hạn, thu hồi, chấp thuận trả lại Giấy phép; chấp thuận trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, quyền khai thác khoáng sản đối với các loại Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép nêu tại khoản 1 Điều này.

**Chương II
BẢO VỆ KHOÁNG SẢN CHƯA KHAI THÁC**

Điều 4. Bảo vệ khu vực có khoáng sản chưa khai thác

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; xây dựng kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định; ban hành các văn bản theo thẩm quyền để bảo vệ khoáng sản;

b) Xác định khu vực có khoáng sản chưa khai thác để thông báo với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy

ban nhân dân cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

d) Công bố các khu vực cấm hoạt động, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xác định các khu vực có khoáng sản chưa khai thác và thông báo với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức bảo vệ theo quy định;

đ) Đơn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương;

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các lực lượng chức năng của tỉnh để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản và bảo vệ môi trường cho nhân dân địa phương và các tổ chức, cá nhân để nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái;

b) Xây dựng kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn và tổ chức bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo kế hoạch;

c) Chủ trì trong việc kiểm tra, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn địa phương;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường kiểm tra hoạt động khoáng sản trên địa bàn. Ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản;

đ) Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn; chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện có giải pháp quản lý và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; ngăn chặn các hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển và tàng trữ khoáng sản trái phép diễn ra trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản và bảo vệ môi trường cho nhân dân địa phương và các tổ chức, cá nhân để nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương; chủ động phát hiện, kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn;

c) Thông báo kịp thời cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường để chỉ đạo, phối hợp xử lý dứt điểm các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn.

4. Các sở, ngành liên quan có trách nhiệm:

a) Trong quá trình lập quy hoạch xây dựng khu dân cư tập trung, các công trình, các dự án đầu tư mới ở khu vực có khoáng sản đã được điều tra, đánh giá hoặc

đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phải lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Cử người có trách nhiệm tham gia phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý, giải quyết, ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép.

5. Các đơn vị thi công các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát hiện có khoáng sản phải lập tức thông báo đến Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thủ tục xin thu hồi khoáng sản và chỉ được phép tiếp tục thi công dự án tại khu vực có khoáng sản sau khi có quyết định giải quyết cuối cùng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất đang sử dụng; không được tự ý khai thác khoáng sản, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản.

Điều 5. Bảo vệ khoáng sản trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực hoạt động của mình. Báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường các hoạt động vi phạm pháp luật về khoáng sản thuộc khu vực mình quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải đánh giá tổng hợp và báo cáo đầy đủ các loại khoáng sản đã phát hiện được trong khu vực được phép thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và đảm bảo không gây tổn thất tài nguyên khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thu hồi tối đa các loại khoáng sản đã được thăm định và phê duyệt, thực hiện các biện pháp bảo quản khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng.

4. Trong hoạt động khai thác khoáng sản nếu phát hiện khoáng sản mới, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và phải chịu trách nhiệm bảo quản nguồn khoáng sản mới phát hiện này trong thời gian chờ Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Kinh phí cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí kinh phí cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong dự toán ngân sách hằng năm.

Chương III

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN; ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Mục 1

THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 7. Lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Việc lựa chọn được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2012/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Trường hợp hết thời gian thông báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này mà chỉ có một tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản thì tổ chức, cá nhân đó được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 40 Luật khoáng sản.

2. Trường hợp hết thời gian thông báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này mà có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên đã đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 40 Luật khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản thì tổ chức, cá nhân được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản khi đáp ứng được nhiều nhất các điều kiện sau đây:

a) Tại thời điểm xét hồ sơ, có vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ lớn nhất so với tổng vốn đầu tư để thực hiện đề án thăm dò;

b) Là tổ chức, cá nhân đã tham gia vốn đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản ở khu vực dự kiến cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;

c) Có cam kết sau khi thăm dò có kết quả sẽ khai thác, sử dụng khoáng sản phục vụ cho nhu cầu sản xuất trong nước phù hợp với quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt.

3. Trường hợp các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đều đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này thì tổ chức, cá nhân nào nộp hồ sơ trước tính theo thời điểm ghi trong phiếu tiếp nhận hồ sơ sẽ được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 8. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

Hồ sơ được lập theo quy định tại Điều 47 Luật Khoáng sản và Điều 29 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bộ, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (bản chính);

b) Đề án thăm dò khoáng sản (bản chính);

c) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc, thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 6^0 làm gốc được tính chuyển về kinh tuyến trực 107^0 múi chiếu 3^0 , tỷ lệ không nhỏ hơn 1/5.000 (bản chính);

d) Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài còn phải có bản sao quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

e) Văn bản của ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản giao dịch xác nhận có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng số vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

2. Hồ sơ gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản phải nộp trước ngày giấy phép hết hạn bốn mươi lăm (45) ngày, bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (bản chính);

b) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo (bản chính);

c) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản đã loại trừ ít nhất 30% diện tích khu vực thăm dò khoáng sản theo giấy phép đã cấp (bản chính);

d) Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

3. Hồ sơ trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản, bao gồm:

a) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (bản chính);

b) Giấy phép thăm dò khoáng sản (bản chính);

c) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại (bản chính);

d) Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò (bản chính);

đ) Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

4. Hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, bao gồm:

a) Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (bản chính);

b) Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (bản chính);

c) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (bản chính);

d) Các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản. Trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp nước ngoài còn phải có bản sao quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

5. Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

Điều 9. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Thời gian tiếp nhận và thông báo về hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên.

b) Hết thời hạn nêu tại điểm a khoản này Sở Tài nguyên và Môi trường không tiếp nhận hồ sơ và tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

Thời gian lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản là năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thông báo quy định tại điểm a khoản này.

c) Hết thời hạn quy định tại điểm b khoản này, trường hợp lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường và trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

2. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật, thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

4. Thẩm định hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản

Trong thời hạn không quá năm mươi lăm (55) ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành các công việc sau:

a) Kiểm tra toạ độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa;

b) Gửi văn bản đến các cơ quan hữu quan để lấy ý kiến về các vấn đề liên quan đến việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản;

Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý;

c) Tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản trước khi trình cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo trình tự quy định tại Điều 10 Quy định này.

5. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại khoản 4 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 10. Thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh được nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép thăm dò khoáng sản.

2. Nội dung đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Khoáng sản, bao gồm:

a) Hệ phương pháp thăm dò phù hợp để xác định được trữ lượng, chất lượng khoáng sản, điều kiện khai thác, khả năng chế biến, sử dụng các loại khoáng sản có trong diện tích thăm dò;

b) Khối lượng công tác thăm dò, số lượng, chủng loại mẫu vật cần lấy phân tích, bảo đảm đánh giá đầy đủ tài nguyên, trữ lượng, chất lượng khoáng sản theo mục tiêu thăm dò;

c) Giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động, vệ sinh lao động trong quá

trình thăm dò;

d) Phương pháp tính trữ lượng;

đ) Giải pháp tổ chức thi công, tiến độ thực hiện đề án;

e) Dự toán chi phí thăm dò được lập trên cơ sở đơn giá do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định;

g) Thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản và thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

3. Trình tự thẩm định đề án thăm dò khoáng sản được thực hiện theo Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đề án thăm dò khoáng sản để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các chuyên gia, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết;

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản;

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

Điều 11. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của

pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

2. Việc thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản;

b) Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép:

a) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thẩm định báo cáo kết quả thăm dò, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. Nội dung thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

2. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật để thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trước khi trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép.

Hội đồng tư vấn kỹ thuật có tối đa 09 thành viên là đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hoạt động khoáng sản và một số chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, trắc địa, mỏ

thuộc các Sở, ngành trong tỉnh. Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đảm nhiệm, thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng. Giúp việc cho Hội đồng tư vấn kỹ thuật là Sở Tài nguyên và Môi trường với tư cách là cơ quan Thường trực Hội đồng.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản:

Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản lập theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Khoáng sản và Điều 30 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bộ, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (bản chính);
- b) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan, phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng (bản chính);
- c) Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công (bản chính);
- d) Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định và Giấy phép thăm dò khoáng sản (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- đ) Dữ liệu của tài liệu quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều này ghi trên đĩa CD (01 bộ);

Mẫu văn bản trong hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

4. Trình tự thực hiện thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

4.1. Tiếp nhận hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản:

- a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- b) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đúng quy định tại khoản 3 Điều này thì Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo quy định. Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ ngay sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ nộp phí thẩm định phê duyệt trữ lượng khoáng sản;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

4.2. Việc kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản thực hiện như sau:

- a) Trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;

b) Trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu tại tiết a điểm này, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời hạn trả lời của chuyên gia không quá hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu tại tiết b điểm này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, kèm theo ý kiến nhận xét bằng văn bản của các chuyên gia;

Thời gian tổ chức, cá nhân đang hoàn chỉnh báo cáo trữ lượng khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

4.3. Việc thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc cuối cùng quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập hoặc không thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Hội đồng tư vấn kỹ thuật hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng;

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo;

c) Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng theo quy định;

d) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

4.4. Trả kết quả phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

Mục 2

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Điều 13. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

Hồ sơ được lập theo quy định tại Điều 59 Luật Khoáng sản và Điều 31 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bộ, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);
- b) Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc, thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực 105^0 múi chiếu 6^0 làm góc được tính chuyển về kinh tuyến trực 107^0 múi chiếu 3^0 , tỷ lệ không nhỏ hơn 1/5.000 (bản chính);
- c) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt (bản chính);
- d) Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- đ) Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- e) Giấy chứng nhận đầu tư (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- f) Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- g) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- h) Văn bản xác nhận có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

2. Hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản:

Hồ sơ nộp trước ngày giấy phép hết hạn bốn mươi lăm (45) ngày, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);
- b) Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn (bản chính);
- c) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn, trữ lượng khoáng sản còn lại, diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác (bản chính);
- d) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

3. Hồ sơ trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, bao gồm:

a) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (bản chính);

b) Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại (bản chính);

c) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (bản chính);

d) Giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

đ) Đề án đóng cửa mỏ trong trường hợp trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);

e) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

4. Hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, bao gồm:

a) Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (bản chính);

b) Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng (bản chính);

c) Báo cáo kết quả khai thác đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng (bản chính);

d) Các văn bản chứng minh đã thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (bản chính hoặc bản sao chứng thực).

5. Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

Điều 14. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

Hồ sơ được lập theo quy định tại Điều 70 Luật Khoáng sản và Điều 32 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bộ, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (bản chính);

b) Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc, thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ vuông góc VN 2000 kinh tuyến trực 105° múi chiếu 6° làm gốc được tính chuyển về kinh tuyến trực 107° múi chiếu 3° , tỷ lệ không nhỏ hơn 1/5.000 (bản chính);

c) Dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt (bản chính);

d) Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

đ) Giấy chứng nhận đầu tư (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

e) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

2. Hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (bản chính);

b) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (bản chính);

c) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

3. Hồ sơ trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, bao gồm:

a) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (bản chính);

b) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (bản chính);

c) Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản đến thời điểm trả lại giấy phép (bản chính);

d) Đề án đóng cửa mỏ (bản chính);

đ) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

4. Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

Điều 15. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản

Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:

a) Trong thời hạn không quá hai mươi lăm (25) ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc quy định tại điểm a khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan hữu quan về các vấn đề liên quan đến việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý;

c) Trong thời hạn không quá ba mươi lăm (35) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

3. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ cấp phép trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 16. Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép khai thác tận thu khoáng sản

Trình tự thực hiện thủ tục cấp phép khai thác tận thu khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị khai thác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy định này thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo

đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

2. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

a) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra toạ độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

3. Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ cấp phép trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp phép từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 17. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật

thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

2. Việc thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá ba (03) ngày đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, kể cả kiểm tra thực địa;

b) Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá năm (05) ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

3. Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:

a) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá ba (03) ngày trong trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; không quá hai (02) ngày làm việc, đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả.

Điều 18. Cấp giấy chứng nhận đầu tư

1. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân thực hiện trên địa bàn tỉnh phải lập thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật, trừ các dự án quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các dự án đầu tư khai thác khoáng sản không nhằm mục đích kinh doanh, nằm trong phạm vi xây dựng công trình đã được Nhà nước thu hồi đất, giao đất hoặc cho thuê đất thì không phải lập thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 19. Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản phải tổ chức lập, phê duyệt thiết kế mỏ theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Hồ sơ thiết kế mỏ sau khi được phê duyệt, phải nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi được cấp phép.

Điều 20. Đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, được nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường cùng với hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép; tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản

Hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản được lập theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, nộp một (01) bộ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (bản chính);
- b) Giấy phép khai thác khoáng sản (bản chính);
- c) Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (bản chính);
- d) Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (bản chính);
- đ) Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

Mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

3. Việc lập và tổ chức thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện theo Điều 74 Luật Khoáng sản, cụ thể như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản giải thể, phá sản hoặc không có khả năng thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, thì Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực lập, tổ chức thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Kinh phí thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được lấy từ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân được phép khai thác.

4. Nội dung thẩm định đề án đóng cửa mỏ được thực hiện theo khoản 2 Điều 26 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Lý do đóng cửa mỏ;
- b) Hiện trạng, số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ, kể cả các bãi thải của mỏ tại thời điểm đóng cửa mỏ;
- c) Khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại trong khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thời điểm đóng cửa mỏ;

d) Khối lượng công việc và phương pháp đóng cửa mỏ, các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; các giải pháp đảm bảo an toàn cho khai trường sau khi đóng cửa mỏ, kể cả các bãi thải của mỏ; biện pháp phục hồi đất đai và môi trường có liên quan;

đ) Khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đóng cửa mỏ.

5. Nội dung, thủ tục phê duyệt, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật Khoáng sản.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Trước khi tiến hành hoạt động thăm dò khoáng sản

a) Đăng ký hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép được cấp tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu diện tích thăm dò là đất rừng), Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi được phép tiến hành thăm dò;

b) Làm các thủ tục thuê đất, ký hợp đồng thuê đất đối với diện tích cần phải thuê theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Nộp tiền đặt cọc hoặc lệ phí độc quyền thăm dò theo quy định.

2. Trong quá trình hoạt động thăm dò khoáng sản

a) Thực hiện đúng các nội dung trong Giấy phép thăm dò được cấp;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình thăm dò khoáng sản;

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoạt động theo quy định.

3. Khi kết thúc thăm dò khoáng sản

a) Thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường, bảo đảm an toàn khu vực thi công các công trình thăm dò;

b) Lập báo cáo kết quả thăm dò, trình các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản mà không tuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản hoặc không thực hiện đúng cam kết về tiến độ thực hiện trong đề án thăm dò, các nội dung trong giấy phép được cấp và một trong các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 21 Quy định này, thì bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản

1. Trước khi tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản

a) Tổ chức cắm mốc và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao mốc giới các điểm góc khu vực khai thác tại thực địa và quản lý mốc giới mỏ của mình trong suốt quá trình hoạt động; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu diện tích khai thác khoáng sản là đất rừng), Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mỏ được cấp phép;

b) Hoàn tất các thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng, ký hợp đồng thuê đất theo quy định của Luật Đất đai;

c) Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường lần đầu trong hoạt động khoáng sản tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang theo quy định;

d) Lập thiết kế mỏ phù hợp với dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc cam kết bảo vệ môi trường), tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định và gửi 01 (một) bộ thiết kế về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có giấy phép được cấp;

đ) Bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ và thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của Giám đốc điều hành mỏ về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giấy phép khai thác được cấp;

e) Lập hồ sơ xin cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với các mỏ khoáng sản có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong hoạt động khai thác tại mỏ;

g) Xây dựng hoàn thành các công trình xử lý môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

h) Ban hành nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản

a) Thực hiện việc khai thác mỏ theo đúng thiết kế mỏ đã được phê duyệt;

b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; thực hiện xử lý chất thải, bảo vệ môi trường theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường các lần tiếp theo trong hoạt động khoáng sản tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang theo quy định;

c) Có trách nhiệm bảo vệ các công trình hạ tầng đi qua khu mỏ; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa những tuyến đường bị ảnh hưởng do việc vận chuyển máy móc thiết bị và sản phẩm khai thác gây ra; ký cam kết trong việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, nộp tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định;

đ) Thực hiện các yêu cầu quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, các quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác có liên quan;

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) theo quy định, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hoạt động khai thác khoáng sản;

g) Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

h) Dừng ngay các hoạt động khai thác nếu phát hiện khoáng sản mới, phát hiện các di chỉ và cổ vật trong diện tích được cấp phép; tổ chức bảo vệ hiện trường và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét giải quyết theo quy định.

3. Kết thúc khai thác mỏ

a) Lập đề án đóng cửa mỏ theo đúng quy định, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

b) Thực hiện việc đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường khu vực hoạt động khoáng sản theo đề án được duyệt.

4. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngoài việc chấp hành nghĩa vụ theo quy định của pháp luật còn có trách nhiệm:

a) Đóng góp kinh phí để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi, đảm bảo quyền lợi của người dân nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Khoáng sản;

b) Phải xây dựng phương án và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện bảo vệ khoáng sản trong khu vực, diện tích được cấp phép khai thác. Nếu để xảy ra hoạt động khoáng sản trái phép trong khu vực, diện tích được cấp phép sẽ bị đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản mà không tuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường hoặc không thực hiện đúng cam kết về tiến độ thực hiện dự án; nội dung trong giấy phép được cấp và một trong các trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 22 Quy định này, thì bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép theo quy định của pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 23. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến với Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo Chiến lược khoáng sản, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp khu vực đưa ra đấu giá có cấu trúc địa chất phức tạp

hoặc trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp; xác định giá khởi điểm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

4. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản, Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản khi cần thiết; trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận chỉ tiêu tính trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khoanh định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng khoanh định các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan khoanh định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; hàng năm lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết việc cấp, gia hạn, thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chấp thuận trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khu vực khai thác khoáng sản; cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, quyền khai thác khoáng sản; phê duyệt trữ lượng khoáng sản; phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Quy định này.

9. Kiểm tra thực địa, xác định các vấn đề liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản trong trường hợp quy định tại Điều 37 Luật Khoáng sản; tổ chức giao mốc giới khu vực thăm dò, khu vực khai thác cho các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

10. Tiếp nhận và xem xét hồ sơ của giám đốc điều hành mỏ thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh; yêu cầu tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản bổ nhiệm lại Giám đốc điều hành mỏ nếu không đáp ứng các điều kiện theo quy định.

11. Quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt; tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định.

12. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thuê đất; ký hợp đồng thuê đất đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

13. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật; đôn đốc, hướng dẫn tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định; giám sát công tác đóng cửa mỏ.

14. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản.

15. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hoạt động khoáng sản; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; thông báo thời hạn phải khắc phục những vi phạm trong hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

16. Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ trong Quy định này.

17. Tiếp nhận báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi bản sao báo cáo cho Sở Công Thương, Sở Xây dựng để phối hợp quản lý.

Điều 24. Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của tỉnh (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; tổ chức công bố công khai và giám sát việc thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến với Bộ Công thương về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng).

2. Chủ trì tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản nhóm B và C không phân biệt nguồn vốn, trừ các dự án do các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chuyên ngành về khai thác và chế biến khoáng sản đầu tư.

3. Kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn mỏ, việc quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản theo thiết kế mỏ đã được thẩm định, phê duyệt (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng). Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho Giám đốc điều hành mỏ, chỉ huy nổ mìn, công nhân khai thác, chế biến khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản; hướng dẫn áp dụng các quy định về quy trình, công nghệ khai thác khoáng sản, tiêu chuẩn xuất khẩu khoáng sản của Bộ Công thương ban hành.

5. Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra khoáng sản lưu thông trên thị trường, các cơ sở mua, bán khoáng sản để xử lý các hành vi gian lận thương mại, mua bán khoáng sản không có nguồn gốc

hợp pháp, bị cấm xuất khẩu hoặc không đủ điều kiện xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.

Điều 25. Sở Xây Dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; tổ chức công bố công khai và giám sát việc thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến với Bộ Xây dựng về dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu xi măng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Điều 26. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm tra các dự án đầu tư, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định, xác nhận vốn chủ sở hữu cho tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị đầu tư hoạt động khoáng sản.

2. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện dự án của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo nội dung quy định tại giấy chứng nhận đầu tư đã cấp.

Điều 27. Trách nhiệm của các sở, ngành khác có liên quan

1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động các quy định đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản theo quy định của Bộ Luật lao động;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản thực hiện việc huấn luyện công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan điều tra các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng trong hoạt động khoáng sản; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo về tai nạn lao động theo quy định.

2. Sở Tài Chính:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều tiết các khoản thu từ hoạt động khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; phân bổ kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định tại Điều 6 Quy định này;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tăng cường đấu tranh và ngăn chặn các hành vi khai thác khoáng sản trái phép. Các trường hợp vi phạm phải được kịp thời ngăn chặn và đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo công an huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra địa bàn có hoạt động khoáng sản, nhất là những nơi thường xảy ra hiện tượng khai thác, mua bán, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép, bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý nghiêm hoặc kiến nghị xử lý đối với các trường hợp vi phạm;

c) Phối hợp với các ngành chức năng và chính quyền địa phương kiểm tra, kiểm soát, xử lý các trường hợp vận chuyển khoáng sản quá khổ, quá tải, gây hư hỏng hạ tầng giao thông và các trường hợp khai thác khoáng sản gây ô nhiễm môi trường.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn và kiểm soát bức xạ, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

5. Các Sở, cơ quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thẩm định dự án, đề án khu vực cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản; xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

6. Cục Thuế tỉnh: Tổ chức tốt công tác quản lý thu các loại thuế, phí trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; triển khai các biện pháp chống thất thu các loại thuế, phí và lệ phí từ hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản; xử lý nghiêm các hành vi gian lận, trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế, phí, lệ phí trong hoạt động khoáng sản.

7. Các Sở, ban, ngành căn cứ quy định tại Điều 28 Luật Khoáng sản và theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, giáo dục và giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản; giải quyết theo thẩm quyền các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động khoáng sản trên địa bàn.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản trên địa bàn.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục cho thuê đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại địa phương. Phối hợp với

Sở Tài nguyên và Môi trường cấm mốc, bàn giao khu vực khai thác mỏ cho tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

4. Quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn; phát hiện, tổ chức lực lượng kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn.

5. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn địa phương; giám sát quá trình phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ.

6. Hằng năm, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

7. Định kỳ hằng năm (trước ngày 31/12) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.

2. Tổ chức thực hiện tốt việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn quản lý; chủ động phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn; thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản trên địa bàn.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các thủ tục về đất đai, sử dụng cơ sở hạ tầng và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại địa phương.

4. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo vệ trật tự công cộng, về quản lý nhân khẩu đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn.

5. Khi phát hiện tình hình hoạt động khoáng sản trái phép phải tổ chức ngay lực lượng ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, công an phụ trách khu vực để kịp thời tổ chức lực lượng phối hợp xử lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý.

6. Hằng năm, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

7. Nếu hoạt động khoáng sản trái phép thành điểm nóng tập trung đông người, ảnh hưởng xấu đến môi trường, mất an ninh trật tự xã hội, gây bức xúc cho nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hoạt động khoáng sản trái phép phải kiểm điểm làm rõ trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

8. Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện) về tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn.

Điều 30. Trách nhiệm phối hợp của các ngành, các cấp trong việc thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Xây dựng, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh, Cục thuế tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thanh tra, kiểm tra định kỳ hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Hằng năm, trước ngày 15 tháng 01 cơ quan chủ trì hoàn thành chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong năm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, các Sở, ngành phối hợp thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm cử đại diện tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra. Cán bộ được cử tham gia phải là người có chuyên môn về lĩnh vực quản lý, đồng thời chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan chủ quản về chính kiến của mình.

3. Kết thúc chương trình thanh tra, kiểm tra, căn cứ kết quả xử lý, các đề xuất, kiến nghị của các ngành phối hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Theo chức năng, trách nhiệm được giao, các Sở, ngành tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản có hành vi vi phạm pháp luật. Kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp theo dõi, tổng hợp.

Điều 31. Trách nhiệm phối hợp của các ngành, các cấp trong việc thẩm định diện tích xin được hoạt động khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mỏ thẩm định diện tích do tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản.

2. Khi phối hợp thẩm định thì cơ quan phối hợp cử lãnh đạo và cán bộ có chuyên môn về lĩnh vực cần tham gia, đồng thời phải gán trách nhiệm của cá nhân tham gia.

3. Cán bộ đại diện các cơ quan phối hợp phải cung cấp đầy đủ thông tin thuộc chức năng quản lý liên quan đến diện tích đề nghị được hoạt động khoáng sản cho cơ quan chủ trì, nội dung thông tin phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp.

4. Các thông tin, ý kiến đề xuất, kiến nghị tại buổi thẩm định của đại diện các cơ quan phối hợp (được thể hiện qua biên bản thẩm định) là ý kiến chính thức của cơ quan phối hợp và làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

5. Sau năm (05) ngày làm việc, nếu không có ý kiến khác bằng văn bản của các cơ quan phối hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả thẩm định với Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

Điều 32. Trách nhiệm phối hợp thẩm định cấp phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền Bộ Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời Bộ Tài nguyên và Môi trường về các vấn đề liên quan đến khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trong trường hợp quy định tại Điều 41 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản, có đủ điều kiện pháp lý theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ được Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2011 (ngày Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực) thì tiếp tục giải quyết trên nguyên tắc tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010.

2. Nhiệm vụ lập quy hoạch về lĩnh vực khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ngành trước ngày Quy định này có hiệu lực thì hành được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc nhiệm vụ.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lai Thanh Sơn

UBND HUYỆN TÂN YÊN
VĂN PHÒNG

SAO Y

Số: 246./SY-VP

Tân Yên, ngày 11 tháng 11 năm 2012

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- TTHU, HĐND, UBND huyện;
- Các cơ quan đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, các CV.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**




Phạm Văn Dũng

